

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 08 tháng 8 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 34/2024/TLST-KDTM ngày 17 tháng 6 năm 2024. Về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (Ngân hàng B).
Địa chỉ: T, A T, quận H, thành phố Hà Nội
Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tiến P – chức vụ: Giám đốc- Người đứng đầu Ngân hàng TMCP Đ chi nhánh P1, theo quyết định số 3818/QQĐ-BIDV ngày 01/7/2024 của chủ tịch hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Đ.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Trần Ngọc A - Chức vụ: Giám đốc: Phòng G thuộc Ngân hàng TMCP Đ chi nhánh P1 và ông Lê Đình T1- Chức vụ Phó trưởng phòng Quản lý rủi ro Nguyễn Tiến P – chức vụ: Giám đốc- Người đứng đầu Ngân hàng TMCP Đ chi nhánh P1 (theo văn bản số 730/QQĐ-BIDV ngày 01/7/2024 của giám đốc Người đứng đầu Ngân hàng TMCP Đ chi nhánh P1 về việc ủy quyền lại tham gia tố tụng.

Bị đơn: Ông Hoàng Văn Q, sinh năm 1963 và bà Lê Thị T2 sinh năm 1968.

Địa chỉ: Xóm 2 (Xóm Phượng Lịch I), xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về số tiền nợ phải trả: Bà Lê Thị T2 và ông Hoàng Văn Q có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền tính ngày 08/08 /2024 là 325.078.685 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm hai mươi lăm triệu, không trăm bảy tám nghìn, sáu trăm tám*

lãi đồng), trong đó nợ gốc: 124.900.000 đồng; nợ lãi: 200.178.685 đồng theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết số N.A.0124.15/HĐTD ngày 01/04/2015.

Kể từ ngày tiếp theo ngày 08/8/2024 bà Lê Thị T2 và ông Hoàng Văn Q phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số N.A.0124.15/HĐTD ngày 01/04/2015.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP Đ thì lãi suất Bà Lê Thị T2 và ông Hoàng Văn Q phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP B cho đến khi thanh toán hết khoản nợ.

2.2. Về xử lý tài sản bảo đảm.

Trường hợp bà Lê Thị T2 và ông Hoàng Văn Q không trả được nợ thì Ngân hàng TMCP Đ có quyền yêu cầu Chi Cục thi hành án dân sự huyện Diễn Châu kê biên xử lý tài sản thế chấp là:

Là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất cụ thể như sau: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất 712, tờ bản đồ 01, Diện tích 306m², theo Giấy chứng nhận QSD đất số H 257694 cấp ngày 18/12/1996 do Ủy ban nhân dân huyện D cấp cho ông Hoàng Văn Q, Lê Thị T2 Địa chỉ: Xóm B (xóm P Lịch I), xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An (nay là thửa 11, tờ bản đồ 10, Diện tích 401,1m²) theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số N.A.0124.15/HĐTC ngày 01 tháng 04 năm 2015 ký giữa ông Hoàng Văn Q, bà Lê Thị T2 với Ngân hàng TMCP P2 (nay là B – Chi nhánh P1).

Nếu tài sản bảo đảm không đủ để trả nợ cho ngân hàng thì bà Lê Thị T2 và ông Hoàng Văn Q tiếp tục có nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng cho đến khi trả hết toàn bộ số tiền nợ.

3. Về án phí: Ông Hoàng Văn Q và bà Lê Thị T2 và Ngân hàng TMCP Đ thống nhất thỏa thuận Hoàng Văn Q và bà Lê Thị T2 phải nộp khoản án phí 8.126.967đ (Tám triệu một trăm hai mươi sáu nghìn chín trăm sáu bảy đồng).

Trong đó ông Hoàng Văn Q phải nộp 4.063.483 đồng (Bốn triệu không trăm sáu mươi ba nghìn bốn trăm tám mươi ba đồng).

Ông Hoàng Văn Q có đơn xin miễn tiền án phí. Căn cứ điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết của UBTW Quốc hội số 326/2016PL-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn tiền án phí cho ông Hoàng Văn Q.

Bà Lê Thị T2 phải nộp 4.063.483đ (Bốn triệu không trăm sáu mươi ba nghìn bốn trăm tám mươi ba đồng) tiền án phí KDTM sơ thẩm.

Ông Hoàng Văn Q và bà Lê Thị T2 phải chịu khoản chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 5.000.000đ (Năm triệu đồng). Ông Hoàng Văn Q và bà Lê Thị T2 phải nộp hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đ

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền tạm ứng án phí là 7.996.000đ (Bảy triệu

chín trăm chín sau nghìn đồng) theo biên lai thu số 0011455 ngày 13 tháng 6 năm 2024 tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện D.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKS Diễn Châu
- THA Diễn Châu
- TAND tỉnh Nghệ An
- Các đương sự
- Lưu HS, VP

THẨM PHÁN

Nguyễn Đình Lâm